

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày: 07 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Bốn

Ông Huỳnh Trung Kiên

Bà Huỳnh Bích Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Xoài, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2023/TLST - HS, ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/HSST-QĐ ngày 24/8/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị A, sinh ngày 01/01/1960, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Trần Thị C (chết); chồng: Nguyễn Văn Th (chết); con có 06 người; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/9/2022 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A: Luật sư Võ Thanh L – Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị hại:

1/ Đỗ Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

2/ Đoàn Thị B, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3/ Đoàn Thị C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

4/ Đoàn Thị N, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- 5/ Dương Thị L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 6/ Hồng Thị V, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 7/ Huỳnh Tấn P, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 8/ Huỳnh Thị G, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 9/ Huỳnh Văn O, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 10/ Kim Thị Bích Ph, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 11/ Kim Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 12/ Kim Thị P, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 13/ Kim Thị S, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 14/ Lê Minh Th, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 15/ Lê Thị Ê, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 16/ Lê Thị E, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 17/ Lê Thị Mỹ A, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 18/ Lữ Thị Út E, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 19/ Lý Thị Hồng Th, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 20/ Lý Thị U, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 21/ Mã Thị N, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 22/ Mai Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 23/ Ngô Thị L, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 24/ Ngô Thị M, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 25/ Nguyễn Kim T, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 26/ Nguyễn Thị A, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- 27/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 28/ Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 29/ Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 30/ Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 31/ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 32/ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 33/ Nguyễn Thị G, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 34/ Nguyễn Thị I, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 35/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 36/ Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 37/ Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 38/ Nguyễn Thị K, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 39/ Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 40/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 41/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 42/ Nguyễn Thị S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 43/ Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 44/ Nguyễn Thị Mỹ E, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn Q, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 45/ Nguyễn Thị P, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp H, xã Z, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 46/ Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 47/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 48/ Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện T, Trà Vinh (vắng mặt)

- 49/ Nguyễn Thị O, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 50/ Nguyễn Thị S1, sinh năm 1945. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 51/ Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, Trà Vinh (vắng mặt)
- 52/ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 53/ Nguyễn Thị R, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 54/ Nguyễn Thị Trúc D, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có lý do)
- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 55/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 56/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 57/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có lý do)
- Người đại diện theo ủy quyền: Vy Thị H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 58/ Phạm Hùng Ph, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 59/ Phan Thị K, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 60/ Thạch D, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 61/ Thạch Qui S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 62/ Thạch Thị D, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 63/ Thạch Thị Pha L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 64/ Thạch Thị Sa D, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 65/ Thạch Thị Sa P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 66/ Thạch Thị Sa R, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 67/ Thạch Thị S, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 68/ Thạch Vi L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

69/ Thái Thị N, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

70/ Thái Văn T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

71/ Tô Thị Th, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

72/ Trần Thanh T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

73/ Trần Thị Ch, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

74/ Trần Thị H, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

75/ Trần Thị Kh, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

76/ Trần Thị Th, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

77/ Triệu Thị Trúc L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

78/ Triệu Thị Tr, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

79/ Trương Thị H, sinh năm 1963,. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

80/ Trương Thị M, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

81/ Trương Thị N, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

82/ Võ Hoàng Nh, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Đặng Thị Y, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

2/ Đoàn Thị Trúc L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp N. xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

3/ Dương Thị X, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

4/ Huỳnh Thị H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

5/ Huỳnh Thị N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

6/ Kim Bích C, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

7/ Kim Thị Cô S, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

8/ Kim Thi A, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- 9/ Kim Thị Sa R, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 10/ Kim Thị S, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 11/ Kim Thị Son H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 12/ Lâm Thanh Nh, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp Vàm, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 13/ Lâm Thị Ánh N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp N, A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- 14/ Lâm Thị Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 15/ Lê Thị Mộng Th, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 16/ Lưu Thanh L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 17/ Lý Cẩm Nh, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 18/ Lý Thị Th, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 19/ Lý Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 20/ Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 21/ Nguyễn Thị Z, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 22/ Nguyễn Thị Cẩm H. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 23/ Nguyễn Thị C1, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 24/ Nguyễn Thị L1, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 25/ Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 26/ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 27/ Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 28/ Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- 29/ Nguyễn Thị O, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)
- 30/ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

31/ Nguyễn Văn M, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

32/ Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

33/ Phạm Thị Bé S, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

34/ Tạ Thị Bích N, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

35/ Thạch Thị C, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

36/ Thạch Thị G, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

37/ Thái Thị Thanh H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khóm R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

38/ Trần Thị Bé H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp S, T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

39/ Trần Thị Bé N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

40/ Trần Thị Kim H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

41/ Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

42/ Trần Thị X, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

43/ Trương Thị Mỹ P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Nguyễn Thị A làm chủ hội tại địa bàn xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và một số hội viên ở địa phương khác để hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo mở nhiều dây hội, mỗi dây hội quy định nhiều phần hội khác nhau có giá trị từ 500.000đ đến 5.000.000đ, gồm có: Hội mùa và hội tháng (hội một tháng, hai tháng khai 01 lần); ngoài việc làm đầu thảo hội, bị cáo còn kinh doanh làm tơ sơ dừa tại gia đình.

Trong thời gian đầu làm chủ hội, Nguyễn Thị A thực hiện việc chi trả tiền cho các thành viên được lĩnh hội (hội viên) trong mỗi kỳ mở hội đầy đủ, đúng hẹn nên từ đó đã tạo được sự tin tưởng đối với các hội viên tham gia các dây hội. Lợi dụng việc hội viên tin tưởng, không tham gia khai hội đầy đủ, không lấy danh sách hội, không kiểm tra cụ thể từng phần hội trong các dây hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối như: Lấy tên của hội viên tham gia chơi trong dây hội để hốt, kê tên không vào dây hội hốt hội, bán nhiều phần hội không nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên là người tham gia các dây hội với mục đích: Trả nợ cho các khoản

vay mượn bên ngoài, trả lãi vay, đóng hội cho các phần hội đã tham gia, choàng hội và tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 7 năm 2021, Nguyễn Thị A ngừng hội (vỡ hội) do không còn khả năng thanh toán tiền cho hội viên; tại thời điểm ngừng hội còn 67 dây hội chưa kết thúc (chưa mãn hội) được mở trong khoảng thời gian từ ngày 08/4/2018 đến 08/3/2021 dương lịch. Quá trình điều tra đối với 67 dây hội nêu trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh có đủ cơ sở chứng minh Nguyễn Thị A đã có hành vi gian dối như: Lấy tên của hội viên tham gia chơi hốt hội, kê tên không vào dây hội hốt hội chiếm đoạt tổng số tiền 960.540.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) đối với 35 dây hội (bút lục số: 1.516-1.527), cụ thể ở từng dây hội như sau:

1) Dây hội mùa, 5.000.000đ (04 tháng khui 01 lần), mở ngày 23/02/2018 âm lịch (dương lịch ngày 8/4/2018), gồm có 14 phần hội (dây 1), có 11 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hội khui được 09 kỳ, trong đó: Có 08 phần hốt thật ở 08 kỳ, còn lại 01 kỳ bị cáo lấy tên “2 Tơ” hốt kỳ 09, chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng. Dây hội còn 6 phần sống, hội viên đóng tổng số tiền 121.400.000 đồng.

2) Dây hội mùa, 5.000.000 đồng, mở ngày 23/02/2018 âm lịch (dương lịch ngày 8/4/2018), gồm có 14 phần hội (dây 2), có 11 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hội khui được 09 kỳ, trong đó: Có 08 phần hốt thật ở 08 kỳ, còn 01 kỳ bị cáo lấy tên của “5 Ri” hốt kỳ 09, chiếm đoạt số tiền 21.000.000 đồng. Dây hội còn 06 phần sống (bị cáo 01 phần), hội viên đóng 05 phần hội sống tổng số tiền 101.250.000 đồng.

3) Dây hội 02 tháng (02 tháng khui 01 lần), 5.000.000 đồng, mở ngày 08/01/2019 dương lịch, gồm 16 phần (dây 3), có 12 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hội khui được 15 kỳ, trong đó: Có 12 phần hốt thật ở 12 kỳ; còn 03 kỳ bị cáo lấy tên hội viên “Rầm 5 Oanh” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 46.500.000 đồng, tên “anh 6 Nuôi” hốt 01 phần ở kỳ 14 được số tiền 16.000.000 đồng, tên “Dì 5 Tèo” hốt 01 phần ở kỳ 15 được số tiền 12.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 74.500.000 đồng, bị cáo có choàng hội lại số tiền 45.000.000 đồng (choàng hội lại phần bị cáo hốt và phần hội viên không đóng hội chết), còn chiếm đoạt số tiền 29.500.000 đồng. Dây hội còn 04 phần sống hội viên đóng số tiền 116.850.000 đồng.

4) Dây hội 02 tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2019 dương lịch, gồm 18 phần (dây 3), có 13 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hội khui được 13 kỳ, trong đó: Có 09 phần hốt thật ở 09 kỳ; còn lại 04 kỳ bị cáo lấy tên “Sang Phúc” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 30.750.000 đồng, lấy tên “5 Ri” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 28.500.000 đồng, tên “Thúy 3 Điệp” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 19.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 13.000.000 đồng, tổng cộng là 91.250.000 đồng, bị cáo choàng hội lại số tiền 25.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 66.250.000.000 đồng. Dây hội còn 09 phần sống hội viên đóng số tiền 213.450.000.000 đồng.

5) Dây hội 02 tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/7/2019 dương lịch, gồm 16 phần (dây 1), có 13 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hội khui được 12 kỳ, trong đó: Có 10 phần hốt thật ở 10 kỳ; còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “5 Ri” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 41.000.000 đồng và tên “Sui 10” hốt 01 phần ở kỳ

12 được số tiền 21.000.000 đồng, tổng cộng là 62.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 55.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng. Dây hui còn 06 phần sống, hui viên đóng số tiền 142.300.000 đồng.

6) Dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2019 dương lịch, gồm 15 phần (dây 1), có 11 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khui được 10 kỳ trong đó có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ; còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “7 Dũng” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 27.500.000 đồng, tên “6 Hạnh” hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 15.000.000 đồng và tên “Ngọc Lanh” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 62.500.000 đồng, bị cáo choàng lại số tiền 13.400.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 49.100.000 đồng. Dây hui còn 8 phần sống, hui viên đóng số tiền 132.700.000 đồng.

7) Dây hui tháng (01 tháng khui 01 lần), 5.000.000 đồng, mở ngày 08/02/2020 dương lịch, gồm 18 phần (dây 1), có 13 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khui được 14 kỳ, trong đó: Có 12 phần hốt thật ở 12 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “Cầm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 31.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 14 được số tiền 29.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 50.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng. Dây hui còn 6 phần sống, hui viên đóng số tiền 156.100.000 đồng.

8) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/02/2020 dương lịch, gồm 19 phần (dây 3), có 13 người tham gia (bị cáo tham gia 04 phần). Hui khui được 15 kỳ, trong đó: Có 12 phần hốt thật ở 12 kỳ; còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Vợ Tiên” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 42.800.000 đồng, tên “Vợ Tuấn” hốt 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 24.000.000 đồng, tên “Vợ 3 Sắt” hốt 01 phần ở kỳ 14 được số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng là 91.800.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 20.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 71.800.000 đồng. Dây hui còn 7 phần sống, hui viên đóng số tiền 186.750.000 đồng.

9) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2020 dương lịch, gồm 17 phần (dây 3), có 12 người tham gia (bị cáo tham gia 04 phần). Hui khui được 11 kỳ, trong đó: Có 09 phần hốt thật ở 09 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “chị Phúc” hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 25.000.000 đồng, tên “vợ Tuấn” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 25.000.000 đồng, có thu thêm tiền 01 hui viên số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 25.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống (bị cáo có 02 phần), hui viên đóng 06 phần hui sống tổng số tiền 132.900.000 đồng.

10) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2020 dương lịch, gồm 17 phần (dây 4), có 12 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khui được 11 kỳ, trong đó: Có 09 phần hốt thật ở 09 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “6 Hạnh” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 30.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 22.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 52.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 37.400.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 14.600.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 180.050.000 đồng.

11) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2020 dương lịch, gồm 17 phần (dây 5), có 12 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khui được

11 kỳ, trong đó: Có 10 phần hốt thật ở 10 kỳ, còn 01 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 36.000.000 đồng bị cáo choàng hui lại số tiền 22.9.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 13.100.000 đồng. Dây hui còn 07 phần hui sống (bị cáo 01 phần), hui viên đóng tổng số tiền 125.600.000 đồng.

12) Dây hui tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2020 dương lịch, gồm 18 phần (dây 2), có 13 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khai được 13 kỳ, trong đó: Có 09 phần hốt thật ở 09 kỳ, còn 04 kỳ bị cáo lấy tên “Ngọc Lanh” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 12.650.000 đồng, tên “3 Phúc” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 9.000.000 đồng, tên chị “10 Nghiệp” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 11.100.000 đồng, tên “Lục Đen Thanh” hốt 01 phần ở t kỳ 13 được số tiền 8.000.000 đồng, tổng cộng là 40.750.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 35.560.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 5.190.000 đồng. Dây hui còn 09 phần hui sống (bị cáo 01 phần), hui viên đóng tổng số tiền 84.300.000 đồng.

13) Dây hui tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2020 dương lịch, gồm 18 phần (dây 3), có 14 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khai được 13 kỳ, trong đó: Có 10 phần hốt thật ở 10 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Út Dòn” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 12.000.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 12.000.000 đồng, tên chị “7 Tô” hốt 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 11.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 30.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống (bị cáo 01 phần), hui viên đóng 07 phần hui sống tổng số tiền 98.440.000 đồng.

14) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/6/2020 dương lịch, gồm 16 phần (dây 2), có 10 người tham gia 15 phần (bị cáo tham gia 04 phần) còn 01 phần có tên Dũng Kiều (có tên nhưng không tham gia). Hui khai được 12 kỳ, trong đó: Có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ, còn 05 kỳ bị cáo lấy tên hốt gồm: tên “thím 5 Ri” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 37.000.000 đồng, tên “vợ Tuấn” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 27.100.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 19.000.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 19.000.000 đồng, tên “chị 9 Dừa” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 17.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 119.100.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 31.550.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 87.550.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 186.800.000 đồng.

15) Dây hui tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/6/2020 dương lịch, gồm 17 phần (dây 1), có 10 người tham gia (bị cáo tham gia 03 phần). Hui khai được 12 kỳ, trong đó: Có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ; còn 05 kỳ bị cáo lấy tên hốt gồm: tên “7 Dũng” hốt 01 phần ở kỳ 05 được số tiền 8.550.000 đồng, tên “6 Hạnh” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 6.300.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 7.000.000 đồng, tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 8.000.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 36.850.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 29.200.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 7.650.000 đồng. Dây hui còn 10 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 90.800.000 đồng.

16) Dây hui tháng, 1.000.000 đồng, mở ngày 08/6/2020 dương lịch, gồm 15 phần (dây 2), có 09 người tham gia (bị cáo tham gia 04 phần). Hui khai được

12 kỳ, trong đó: Có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ; còn 05 kỳ bị cáo lấy tên hốt gồm: tên “7 Dũng” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 3.600.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 3.400.000 đồng, tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 3.000.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 4.600.000 đồng, tên “út Sinh” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 2.890.000 đồng, tổng cộng số tiền 17.490.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 10.730.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 6.760.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 42.710.000 đồng.

17) Dây hui tháng, 500.000 đồng, mở ngày 08/6/2020 dương lịch, gồm 15 phần, có 06 người tham gia (bị cáo tham gia 05 phần). Hui khui được 12 kỳ, trong đó: Có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ; còn 05 kỳ bị cáo lấy tên hốt gồm: tên “6 Hạnh” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 2.450.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 1.520.000 đồng, tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 1.480.000 đồng, tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 1.600.000 đồng, tên “út Sinh” hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 760.000 đồng, tổng cộng số tiền 7.810.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 5.450.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 2.360.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 25.640.000 đồng.

18) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/8/2020 dương lịch, gồm 17 phần (dây 2), có 10 người tham gia 16 phần (bị cáo tham gia 05 phần) còn 01 phần có tên Vợ Tùng (có tên nhưng không tham gia). Hui khui được 10 kỳ, trong đó: Có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 20.000.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 20.000.000 đồng và tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 30.950.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 29.050.000 đồng. Dây hui còn 09 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 161.200.000 đồng.

19) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/8/2020 dương lịch, gồm 17 phần (dây 3), có 09 người tham gia (bị cáo tham gia 06 phần). Hui khui được 10 kỳ, trong đó: Có 08 phần hốt thật ở 08 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 20.000.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 18.800.000 đồng, có thu thêm tiền 02 hui viên mỗi người số tiền 2.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 43.800.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 23.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 20.800.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 172.750.000 đồng.

20) Dây hui tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/8/2020 dương lịch, gồm 16 phần (dây 1), có 12 người tham gia (bị cáo tham gia 04 phần). Hui khui được 10 kỳ, trong đó: Có 07 phần hốt thật ở 07 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 14.750.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 13.000.000 đồng, tên “Duyên Rằm” hốt 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 14.000.000 đồng và thu thêm 01 hui viên số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 41.750.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 6.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 35.750.000 đồng. Dây hui còn 09 phần hui sống (bị cáo 01 phần), hui viên đóng 08 phần tổng số tiền 79.220.000 đồng.

21) Dây hui tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/8/2020 dương lịch, gồm 15 phần (dây 2), có 10 người tham gia 14 phần (bị cáo A tham gia 04 phần), còn 01 phần bị cáo A kê tên không “Thúy”. Hui khai được 10 kỳ, trong đó: Có 08 phần hót thật ở 08 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo A lấy tên “Cầm Vân” hót 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 13.800.000 đồng, lấy tên không Thúy hót 01 phần kỳ 10 được số tiền 14.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 27.800.000 đồng, bị cáo A choàng hui lại số tiền 7.430.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 20.370.000 đồng. Dây hui còn 06 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 63.180.000 đồng.

22) Dây hui tháng, 1.000.000 đồng, mở ngày 08/8/2020 dương lịch, gồm 16 phần, có 10 người tham gia (bị cáo tham gia 06 phần). Hui khai được 10 kỳ, trong đó: Có 07 phần hót thật ở 07 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Cầm Vân” hót 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 5.000.000 đồng, hót 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 5.000.000 đồng, lấy tên “10 Tiền” hót 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 4.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 14.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 1.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng. Dây hui còn 09 phần hui sống (bị cáo 01 phần), hui viên đóng tổng số tiền 79.220.000 đồng.

23) Dây hui tháng, 500.000 đồng, mở ngày 08/8/2020 dương lịch, gồm 16 phần, có 10 người tham gia (bị cáo tham gia 05 phần. Hui khai được 10 kỳ, trong đó: Có 08 phần hót thật ở 08 kỳ; còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “Cầm Vân” hót 01 phần ở kỳ 09 được số tiền 3.500.000 đồng, hót 01 phần ở kỳ 10 được số tiền 3.250.000 đồng, tổng cộng số tiền 6.750.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 1.200.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 5.550.000 đồng. Dây hui còn 08 phần hui sống (bị cáo 01 phần), hui viên đóng 07 phần tổng số tiền 19.680.000 đồng.

24) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 15 phần (dây 1), có 09 người tham gia 14 phần (bị cáo tham gia 04 phần), còn 01 phần bị cáo kê tên không “Thúy 9 Thor”. Hui khai được 08 kỳ, trong đó: Có 04 phần hót thật ở 04 kỳ, còn 04 kỳ bị cáo lấy tên “Cầm Vân” hót 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 17.500.000 đồng, hót 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 14.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hót 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 14.000.000 đồng và phần tên không “Thúy 9 Thor” hót 01 phần ở kỳ 04 được số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 75.500.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 6.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 69.500.000 đồng. Dây hui còn 10 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 157.000.000 đồng.

25) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 16 phần (dây 2), có 09 người tham gia 15 phần (bị cáo tham gia 04 phần) còn 01 phần bị cáo kê tên không “Thúy 9 Thor”. Hui khai được 08 kỳ, trong đó: Có 04 phần hót thật ở 04 kỳ, còn 04 kỳ bị cáo lấy tên “Cầm Vân” hót 01 phần ở kỳ 05 được số tiền 16.000.000 đồng, hót 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 16.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hót 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 16.000.000 đồng và phần tên không “Thúy 9 Thor” hót 01 phần ở kỳ 04 được số tiền 24.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 72.000.000 đồng, bị cáo choàng hui lại số tiền 6.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 66.000.000 đồng. Dây hui còn 11 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền 174.550.000 đồng.

26) Dây hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 16 phần (dây 3), có 10 người tham gia 15 phần (bị cáo tham gia 04 phần), còn 01

phần bị cáo kê tên không “Kiều 9 Thơ”. Hụi khai được 08 kỳ trong đó: Có 06 phần hốt thật ở 06 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “Cầm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 19.000.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 22.000.000 đồng và thu thêm 01 viên số tiền 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 43.000.000 đồng, bị cáo choàng hụi lại số tiền 20.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng. Dây hụi còn 09 phần hụi sống, hụi viên đóng tổng số tiền 140.450.000 đồng.

27) Dây hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 16 phần (dây 4), có 09 người tham gia 14 phần (bị cáo tham gia 04 phần) còn lại 02 phần bị cáo kê tên không “Kiều 9 Thơ, Diễm 9 Thơ”. Hụi khai được 08 kỳ, trong đó: Có 03 phần hốt thật ở 03 kỳ; còn 05 kỳ bị cáo lấy tên hốt ở 04 phần gồm: tên “Cầm Vân” hốt kỳ 05 được số tiền 17.500.000 đồng, hốt kỳ 06 được số tiền 14.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hốt kỳ 08 được số tiền 12.000.000 đồng, tên “chị 9 Dừa” hốt kỳ 07 được số tiền 12.000.000 đồng và phần tên không “Diễm 9 Thơ” hốt 01 phần ở kỳ 4 được số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt tổng cộng số tiền 85.500.000 đồng. Dây hụi còn 11 phần hụi sống (bị cáo 01 phần), hụi viên đóng tổng số tiền 160.500.000 đồng.

28) Dây hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 16 phần (dây 5), có 09 người tham gia 14 phần (bị cáo tham gia 04 phần) còn lại 02 phần bị cáo kê tên không “Kiều 9 Thơ, Thúy 9 Thơ”. Hụi khai được 08 kỳ, trong đó: Có 05 phần hốt thật ở 05 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên hốt tên “Cầm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 12.000.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 12.000.000 đồng, tên “Cầm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 12.000.000 đồng và có thu thêm 01 hụi viên số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt tổng cộng số tiền 38.000.000 đồng. Dây hụi còn 09 phần hụi sống, hụi viên đóng tổng số tiền 149.900.000 đồng.

29) Dây hụi tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 15 phần (dây 1), có 09 người tham gia 14 phần (bị cáo tham gia 04 phần) còn lại 01 phần bị cáo kê tên không “Kiều 9 Thơ. Hụi khai được 08 kỳ, trong đó: Có 04 phần hốt thật ở 04 kỳ, còn 04 kỳ bị cáo lấy tên hốt ở 03 kỳ gồm: tên “Cầm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 7.000.000 đồng, “Cầm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 6.000.000 đồng, tên “Chúc Râm” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 6.000.000 đồng và phần tên không “Kiều 9 Thơ” hốt 01 phần ở kỳ 04 được số tiền 12.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt tổng cộng được số tiền 31.000.000 đồng. Dây hụi còn 10 phần hụi sống, hụi viên đóng tổng số tiền 76.400.000 đồng.

30) Dây hụi tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm 15 phần (dây 2), có 06 người tham gia 12 phần (bị cáo A tham gia 05 phần), còn 03 phần bị cáo A kê tên không “Kiều 9 Thơ 02 phần, 9 Thơ Diễm 01 phần”. Hụi khai được 08 kỳ, trong đó: Có 04 phần hốt thật ở 04 kỳ; còn 04 kỳ bị cáo A lấy tên “Cầm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 5.000.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 5.900.000 đồng và phần tên không “Kiều 9 Thơ” hốt 01 phần ở kỳ 05 được số tiền 5.900.000 đồng, tên không “9 Thơ Diễm” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 5.600.000 đồng, tổng cộng số tiền 22.400.000 đồng, bị cáo A choàng hụi lại số tiền 3.420.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 18.980.000 đồng. Dây hụi còn 08

phần hội sống (bị cáo 02 phần), hội viên đóng 06 phần tổng số tiền 43.140.000 đồng.

31) Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm có 15 phần, có 08 người tham gia (bị cáo tham gia 06 phần). Hội khui được 08 kỳ, trong đó: Có 05 phần hốt thật ở 05 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 4.500.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 3.750.000 đồng, tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 4.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 12.250.000 đồng, bị cáo choàng hội lại số tiền 1.500.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 10.750.000 đồng. Dây hội còn 10 phần hội sống (bị cáo 02 phần), hội viên đóng 08 phần tổng số tiền 32.870.000 đồng.

32) Dây hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 08/10/2020 dương lịch, gồm có 15 phần, có 08 người tham gia 14 phần (bị cáo tham gia 04 phần) còn 01 phần bị cáo kê tên không “Kiều 9 Thơ”. Hội khui được 08 kỳ, trong đó: Có 04 phần hốt thật ở 04 kỳ, còn 04 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 2.450.000 đồng, tên “Linh” hốt 01 phần ở kỳ 07 được số tiền 1.500.000 đồng, tên “Truyền” hốt 01 phần ở kỳ 08 được số tiền 1.250.000 đồng và 01 phần tên không “Kiều 9 Thơ” hốt 01 phần ở kỳ 05 được số tiền 2.380.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt tổng cộng số tiền 7.580.000 đồng. Dây hội còn 10 phần hội sống, hội viên đóng tổng số tiền 21.780.000 đồng.

33) Dây hội tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/12/2020 dương lịch, gồm có 17 phần, có 09 người tham gia 14 (bị cáo tham gia 04 phần); còn 03 phần bị cáo kê tên không “Diễm 9 Thơ 02 phần, Chú xì 01 phần”. Hội khui được 06 kỳ, trong đó: Có 04 phần hốt thật ở 04 kỳ, còn 02 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 04 được số tiền 21.000.000 đồng, tên “Cẩm Vân Tú” hốt 01 phần ở kỳ 03 được số tiền 17.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 38.500.000 đồng, bị cáo choàng lại số tiền 24.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 14.500.000 đồng. Dây hội còn 10 phần hội sống (bị cáo 01 phần), hội viên đóng 09 phần tổng số tiền 103.200.000 đồng.

34) Dây hội tháng, 2.000.000 đồng, mở ngày 08/12/2020 dương lịch, gồm có 17 phần, có 09 người tham gia 14 phần (bị cáo tham gia 04 phần); còn 03 phần bị cáo kê tên không “Diễm 9 Thơ, Kiều 9 Thơ, Thúy 9 Thơ”. Hội khui được 06 kỳ trong đó: Có 03 phần hốt thật ở 03 kỳ, còn 03 kỳ bị cáo lấy tên “Cẩm Vân” hốt 01 phần ở kỳ 05 được số tiền 6.000.000 đồng, hốt 01 phần ở kỳ 06 được số tiền 6.000.000 đồng và 01 phần tên không “Diễm 9 Thơ” hốt 01 phần ở kỳ 04 được số tiền 8.400.000 đồng, tổng cộng số tiền 20.400.000 đồng, bị cáo choàng hội lại số tiền 3.600.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 16.800.000 đồng. Dây hội còn 11 phần hội sống (bị cáo 01 phần), hội viên đóng 10 phần tổng số tiền 53.800.000 đồng.

35) Dây hội tháng, 1.000.000 đồng, mở ngày 08/3/2021 dương lịch, gồm có 13 phần, có 06 người tham gia 10 phần (bị cáo tham gia 03 phần), còn 03 phần kê tên không “Kiều 9 Thơ, Thúy 9 Thơ, Diễm 9 Thơ”. Hội khui được 04 kỳ trong đó: Có 03 phần hốt thật ở 03 kỳ, còn 01 kỳ bị cáo lấy tên không “Kiều 9 Thơ” hốt 01 phần ở kỳ 04 chiếm đoạt số tiền 4.550.000 đồng. Dây hội còn 07 phần hội, hội viên đóng tổng số tiền 17.850.000 đồng.

Như vậy: Liên quan đến 35 dây hui trên bị cáo Nguyễn Thị A gian dối lấy tên của hui viên tham gia chơi hót hui, kê tên không vào dây hui để hót hui chiếm đoạt tổng số tiền 960.540.000 đồng.

Đối với 32 dây hui chưa kết thúc (chưa mãn) còn lại gồm: Dây hui mùa, 5.000.000, đồng mở ngày 08/4/2018, gồm 14 phần; dây hui mùa, 3.000.000 đồng mở ngày 08/4/2018, gồm 13 phần; dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/01/2019 (dây 1), gồm 16 phần; dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/01/2019 (dây 2), gồm 16 phần; dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/4/2019 (dây 1), gồm 18 phần; dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/4/2019 (dây 2), gồm 18 phần; dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/7/2019 (dây 2), gồm 14 phần; dây hui 02 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/10/2019 (dây 2), gồm 13 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/02/2020 (dây 2), gồm 18 phần; dây hui 01 tháng, 2.000.000 đồng mở ngày 08/02/2020 (dây 1), gồm 19 phần; dây hui 01 tháng, 2.000.000 đồng mở ngày 08/02/2020 (dây 2), gồm 19 phần; dây hui 01 tháng, 2.000.000 đồng mở ngày 08/02/2020 (dây 3), gồm 18 phần; dây hui 01 tháng, 1.000.000 đồng mở ngày 08/02/2020 (dây 1), gồm 19 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/02/2020 (dây 2), gồm 19 phần; dây hui 01 tháng, 500.000 đồng mở ngày 08/02/2020, gồm 21 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/4/2020 (dây 1), gồm 17 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/4/2020 (dây 2), gồm 17 phần; dây hui 01 tháng, 2.000.000 đồng mở ngày 08/4/2020 (dây 1), gồm 18 phần; dây hui 01 tháng, 1.000.000 đồng mở ngày 08/4/2020 (dây 1), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 1.000.000 đồng mở ngày 08/4/2020 (dây 2), gồm 17 phần; dây hui 01 tháng, 500.000 đồng mở ngày 08/4/2020, gồm 17 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 1), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 3), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 4), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 5), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 6), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 2.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 2), gồm 18 phần; dây hui 01 tháng, 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2020 (dây 1), gồm 15 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/8/2020 (dây 1), gồm 16 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/3/2021 (dây 1), gồm 15 phần; dây hui 01 tháng, 5.000.000 đồng mở ngày 08/3/2021 (dây 2), gồm 15 phần; dây hui 01 tháng, 2.000.000 đồng mở ngày 08/3/2021, gồm 14 phần. Các dây hui nêu trên, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh bị cáo Nguyễn Thị A có gian dối hót hui nhưng bị cáo đã choàng hui lại hết phải bù thêm tiền; đồng thời, có dây hui, hui viên kêu hót hui thật hết, bị cáo không có chiếm đoạt tiền. Vì vậy, xác định các dây hui này là phát sinh giao dịch dân sự.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị A còn gian dối bán 16 phần hui không cho 09 người, chiếm đoạt tổng số tiền 422.730.000 đồng, cụ thể:

1) Đối với Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970, cư trú ấp Te Te, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 01 phần hui không ở dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/12/2020, gồm 17 phần, bà Thiệu đưa cho bị cáo số tiền

45.000.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 8.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 37.000.000 đồng.

2) Đối với Mã Thị N, sinh năm 1983, cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 01 phầnhui không ở đây hui 2.000.000 đồng mở ngày 8/6/2020, gồm 18 phần, bà Nhanh đưa cho bị cáo số tiền 18.580.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 8.250.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền số tiền 10.330.000 đồng.

3) Đối với Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, cư trú ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 02 phầnhui không ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/4/2020, gồm 17 phần, ông Tươi đưa cho bị cáo tổng số tiền 84.000.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 44.400.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền số tiền 39.600.000 đồng.

4) Đối với Ngô Thị Lê, sinh năm 1957, cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 01 phầnhui không ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/8/2020, gồm 16 phần, bà Lệ đưa cho bị cáo số tiền 42.700.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 16.850.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền số tiền 25.850.000 đồng.

5) Đối với Nguyễn Tấn Phúc, sinh năm 1954 cư trú ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 01 phầnhui không ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/8/2020, gồm 17 phần, ông Phúc đưa cho bị cáo số tiền 42.500.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 22.550.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền số tiền 19.950.000 đồng.

6) Đối với Võ Hoàng Nh, sinh năm 1986, cư trú ấp B, xã An Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 01 phầnhui không ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/12/2020, gồm 16 phần, ông Nhanh đưa cho bị cáo số tiền 35.500.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 5.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 30.500.000 đồng.

7) Đối với Huỳnh Văn O, sinh năm 1981, cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 06 phầnhui không gồm:

+ 02 phần ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/6/2020, gồm 16 phần, ông Thoi đưa cho bị cáo tổng số tiền 90.000.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 45.350.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 44.650.000 đồng.

+ 02 phần ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/8/2020, gồm 15 phần, ông Thoi đưa cho bị cáo tổng số tiền 87.800.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 39.900.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 47.900.000 đồng.

+ 01 phần ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/12/2020, gồm 17 phần, ông Thoi đưa cho bị cáo tổng số tiền 45.000.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 8.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 37.000.000 đồng.

+ 01 phần ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/3/2021, gồm 15 phần, ông Thoi đưa cho bị cáo tổng số tiền 33.500.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 2.500.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 31.000.000 đồng.

8) Đối với Thạch Thị S, sinh năm 1965, cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 02 phầnhui không ở đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 8/4/2020, gồm 17 phần, bà Sinh đưa cho bị cáo tổng số tiền 100.100.000

đồng, bị cáo A có cho hưởng tiền lãi số tiền 19.100.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 81.000.000 đồng.

9) Đối với Lý Thị U, sinh năm 1978, cư trú ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bị cáo Nguyễn Thị A bán 01 phần hội không ở đây hội 5.000.000 đồng mở ngày 8/4/2020, gồm 17 phần, bà Thu đưa cho bị cáo số tiền 42.500.000 đồng, bị cáo có cho hưởng tiền lãi số tiền 24.550.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền số tiền 17.950.000 đồng.

Tổng cộng 09 người trên bị cáo Nguyễn Thị A bán tổng cộng 16 phần hội không, chiếm đoạt tổng số tiền 422.730.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị A đã dùng thủ đoạn gian dối hốt 105 phần hội chiếm đoạt tổng số tiền 960.540.000 đồng (trong đó: Lấy tên hội viên hốt 95 phần, số tiền 816.120.000 đồng; kê tên không hốt 10 phần hội, số tiền 130.420.000 đồng và có thu thêm số tiền 14.000.000 đồng); gian dối bán 16 phần hội không chiếm đoạt số tiền 422.730.000 đồng, tổng cộng bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.383.270.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân như: Tiêu xài, đóng các phần hội của cá nhân tham gia chơi, trả nợ vay, lãi vay đối với một số khoản vay trước đây

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị A thừa nhận bản Cáo trạng mô tả hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật. Riêng đối với các bị hại Hồng Thị V, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Kiều D, Trần Thị H không yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Nguyễn Thị A đã có hành vi gian dối như bằng hình thức lợi dụng việc bị cáo làm đầu thảo hội, các hội viên khi tham gia chơi hội tin tưởng bị cáo, không lấy danh sách hội viên, không trực tiếp đến khai hội, không kiểm tra tổng số hội viên tham gia trong đây hội nên bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối là kê không tên hội viên và tự ý lấy tên của các hội viên trong các đây hội, hốt hội, bán hội nhằm mục đích trả nợ vay, đóng lãi vay, choàng hội và tiêu xài cá nhân và hậu quả thiệt hại đã xảy ra với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 1.383.270.000đ, đủ căn cứ truy tố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A từ 12 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 01/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị A có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật. Riêng đối với các bị hại Hồng Thị V, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Kiều D, Trần Thị H không yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đ (Một trăm triệu đồng) mà bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả sẽ tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A cho rằng: Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chủ động nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh để khắc phục một phần nhỏ hậu quả cho các bị hại số tiền là 1.000.000đ; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình có phần đơn chiếc và khó khăn, hiện tại bị cáo đã lớn tuổi và sức khỏe thường xuyên không được ổn định; có 06 bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có nhiều người thân tham gia cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: thống nhất với quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát; người bào chữa cho bị cáo, bị cáo Nguyễn Thị A, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị A: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử

là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, có 40 bị hại vắng mặt (trong đó có 10 bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, 30 bị hại vắng mặt không có lý do) và 26 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (trong đó có 04 người có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và 22 người vắng mặt không lý do). Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; đồng thời quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Trà Vinh đã làm rõ lời khai của những người này và việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ vào quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận do bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay, choàng hui và tiêu xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hui viên bằng hình thức mở các dây hui, do các hui viên tin tưởng, thường hay không tham gia khai hui nên bị cáo kê tên không vào các dây hui để hốt và tự ý lấy tên của các hui viên tham gia thật để hốt hui nhằm chiếm đoạt tài sản của các hui viên. Đến tháng 7/2021, bị cáo không còn khả năng thanh toán cho các hui viên nên bị cáo tuyên bố ngừng hui, số tiền bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của các bị hại là 1.383.270.000đ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và hình phạt.

[4] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự.

Với tuổi đời của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền để trả các khoản nợ vay, đóng hui và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng việc mình làm đầu thảo hui và các hui viên tham gia chơi hui tin tưởng vào bị cáo, ít đi khai hui nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không tham gia nhiều dây hui, lấy tên không để hốt hui và tự ý lấy tên của các hui viên tham gia thật để hốt hui nhằm chiếm đoạt tài sản của các hui viên trong khi các hui viên này hoàn toàn không biết. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện trong một khoảng thời gian dài từ ngày 08/4/2018 đến ngày 08/3/2021 dương lịch. Hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[5] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức lợi dụng việc tham gia hội để chiếm đoạt tiền trong những năm gần đây tại địa bàn tỉnh Trà Vinh liên tục tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng nhiều, việc bề hội làm cho các hội viên mất tiền, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh Trà Vinh, trong đó có hành vi phạm tội của bị cáo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.000.000đ; bị cáo đã trên 60 tuổi, hiện nay sức khỏe không được tốt; gia đình bị cáo có phần đơn chiếc, khó khăn; có 06 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có người thân tham gia cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt như kết quả điều tra xác định.

Riêng đối với các bị hại Hồng Thị V, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Kiều D, Trần Thị H không yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả sẽ tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với số tiền giao dịch hội trong 35 dây hội nêu trên của các bị hại, ngoài số tiền bị cáo có hành vi chiếm đoạt là 1.383.270.000 đồng thì các khoản tiền nợ hội còn lại của các dây hội này là giao dịch dân sự, được quyền khởi kiện trong một vụ án khác theo quy định pháp luật dân sự.

Đối với 15 phần hội bán cho 11 người với tổng số tiền là 442.380.000 đồng gồm: Mã Thị N, sinh năm 1983, 02 phần số tiền 27.680.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh năm 1984, 02 phần số tiền 78.000.000 đồng; Huỳnh Thị H, sinh năm 1969, 01 phần số tiền 32.500.000 đồng; Lý Thị Hồng Th, sinh năm 1978, 01 phần số tiền 23.100.000 đồng; Huỳnh Tấn P, sinh năm 1954, 01 phần số tiền 72.500.000 đồng; Huỳnh Văn O, sinh năm 1981, 01 phần số tiền 38.300.000 đồng; Thạch Thị S, sinh năm 1965, 03 phần số tiền 55.700.000 đồng; Nguyễn Thị K, sinh năm 1989, 01 phần số tiền 19.000.000 đồng; Phạm Hùng Ph, sinh năm

1953, 01 phần số tiền 18.600.000 đồng Võ Hoàng Nh, sinh năm 1986, 01 phần số tiền 35.500.000 đồng (cùng cư trú xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh); Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1959, cư trú khóm C, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh 01 phần số tiền 41.500.000 đồng và Võ Hoàng Nh, sinh năm 1986, cư trú ấp B, xã An Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng 01 phần số tiền 35.500.000 đồng. Qua điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh Nguyễn Thị A sử dụng phần hui của cá nhân tham gia chơi để bán cho những người nêu trên (bán hui thật). Do đó, xác định đây là giao dịch dân sự.

Đối với các khoản tiền vay, bị cáo Nguyễn Thị A khai có vay của bà Thạch Thị S, sinh năm 1965, cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền 240.000.000 đồng; vay của ông Huỳnh Văn Ổ, sinh năm 1981, cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền 285.000.000 đồng và khoản vay khác tại Ngân hàng, Cơ quan điều tra đã chứng minh đây là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm.

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ vật chứng là: Sổ hui, danh sách hui viên của bị can Nguyễn Thị A và của các bị hại giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra cùng các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong giai đoạn kiểm tra, xác minh. Đây là các tài liệu, chứng cứ trong việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với các đồ vật tạm giữ: không có

Về tài sản: Bị cáo Nguyễn Thị A có đứng tên chủ sở hữu 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với thửa đất số 1487, diện tích 1.501,2 m²; thửa đất số 514, diện tích 180 m²; thửa đất số 513, diện tích 5.460 m² (loại đất trồng lúa nước), tổng diện tích là 7.141,2 m² tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Các thửa đất trên hiện nay bị cáo Nguyễn Thị A đang vay thế chấp tại Ngân hàng Agribank, chi nhánh huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền 300.000.000 đồng.

[10] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[11] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị A là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 01/9/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị A bồi thường số tiền 1.339.067.767 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại gồm:

Đỗ Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.645.000 đồng

Đoàn Thị B, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 7.410.833 đồng

Đoàn Thị C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.500.000 đồng

Đoàn Thị N, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.062.500 đồng

Dương Thị L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 3.183.333 đồng

Huỳnh Tấn P, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 47.051.299 đồng

Huỳnh Văn O, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 264.147.500 đồng

Kim Thị Bích Ph, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 9.950.000 đồng

Kim Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 3.811.667 đồng

Kim Thị P, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 12.693.750 đồng

Kim Thị S, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 37.299.281 đồng

Lê Minh Th, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.847.500 đồng

Lê Thị Ê, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.871.429 đồng

Lê Thị E, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 166.667 đồng

Lê Thị Mỹ A, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 14.886.667 đồng

Lữ Thị Út E, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.000.000 đồng

Lý Thị Hồng Th, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 3.277.500 đồng

Lý Thị U, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 25.816.667 đồng

Mã Thị N, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 24.196.071 đồng

Mai Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 11.810.000 đồng

Ngô Thị L, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 37.676.667 đồng

Ngô Thị M, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 11.316.667 đồng

Nguyễn Kim T, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.625.000 đồng

Nguyễn Thị A, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 11.725.000 đồng

Nguyễn Thị B, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 13.033.631 đồng

Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 13.050.000 đồng

Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 42.930.114 đồng

Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 21.112.500 đồng

Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 650.000 đồng

Nguyễn Thị G, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.366.667 đồng

Nguyễn Thị I, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 29.693.751 đồng

Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 19.593.750 đồng

Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.828.571 đồng

Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.343.929 đồng

Nguyễn Thị M, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 12.686.250 đồng

Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 2.000.000 đồng

Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.790.000 đồng

Nguyễn Thị Mỹ E, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn Q, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.497.381 đồng

Nguyễn Thị P, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp H, xã Z, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 13.916.667 đồng

Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.450.000 đồng

Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.200.000 đồng

Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện T, Trà Vinh số tiền là 4.200.000 đồng

Nguyễn Thị O, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.828.571 đồng

Nguyễn Thị S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.810.000 đồng

Nguyễn Thị S1, sinh năm 1945. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.200.000 đồng

Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, Trà Vinh số tiền là 12.340.833 đồng

Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 52.336.364 đồng

Nguyễn Thị R, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 2.500.000 đồng

Nguyễn Thị Trúc D, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 12.256.250 đồng

Nguyễn Thị V, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 950.000 đồng

Nguyễn Văn N, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.062.500 đồng

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 52.293.750 đồng

Phạm Hùng Ph, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.530.000 đồng

Phan Thị K, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 3.183.333 đồng

Thạch D, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 3.031.667 đồng

Thạch Qui S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 25.453.031 đồng

Thạch Thị D, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.000.000 đồng

Thạch Thị Pha L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 11.500.000 đồng

Thạch Thị Sa D, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 16.656.250 đồng

Thạch Thị Sa P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.471.429 đồng

Thạch Thị Sa R, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 166.667 đồng

Thạch Thị S, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 230.524.579 đồng

Thạch Vi L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 2.371.429 đồng

Thái Thị N, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 865.000 đồng

Thái Văn T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.950.000 đồng

Tô Thị Th, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 15.016.667 đồng

Trần Thanh T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 11.828.571 đồng

Trần Thị Ch, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 15.000.000 đồng

Trần Thị Kh, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.450.000 đồng

Trần Thị Th, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 8.916.667 đồng

Triệu Thị Trúc L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 690.000 đồng

Triệu Thị Tr, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 690.000 đồng

Trương Thị H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.100.000 đồng

Trương Thị M, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.500.000 đồng

Trương Thị N, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, C, tỉnh Trà Vinh số tiền là 780.000 đồng

Võ Hoàng Nh, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền là 30.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giao Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0003205 ngày 05/7/2023 do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh thu để đảm bảo thi hành án.

+ Các bị hại Hồng Thị V, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Kiều D, Trần Thị H không yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Thị A được miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA thành phố Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến